

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2414/BTP-TTLLTPQG

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2020

V/v Tổng kết 10 năm thi hành
Luật Lý lịch tư pháp

Kính gửi: - Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.

Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/6/2009, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, để đánh giá khách quan, toàn diện thực tiễn tình hình 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp, qua đó xác định những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém và đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả Luật Lý lịch tư pháp, sau khi được sự thống nhất của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ngày 02/7/2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1520/QĐ-BTP về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp.

Để chuẩn bị cho việc tổ chức tổng kết đạt hiệu quả và đáp ứng yêu cầu, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết, đánh giá thực tiễn tình hình 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp, cụ thể như sau:

1. Về nội dung tổng kết

Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá thực tiễn tình hình 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp theo nội dung tổng kết nêu tại Phần II.2 Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-BTP ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

2. Về hình thức tổng kết

Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tiến hành tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp trong phạm vi ngành, lĩnh vực Bộ, ngành quản lý, tùy tình hình thực tế có thể tổ chức Hội nghị tổng kết hoặc tổng kết bằng hình thức báo cáo.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tiến hành tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP trên địa bàn với hình thức phù hợp; xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp gửi về Bộ Tư pháp.

3. Về xây dựng Báo cáo tổng kết, số liệu thống kê và thời hạn gửi báo cáo

Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp theo mẫu Báo cáo gửi kèm theo Công văn này. Số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp tính từ ngày 01/7/2010 đến 30/6/2020, chi tiết theo Phụ lục gửi kèm theo Công văn này.

Báo cáo tổng kết và các phụ lục kèm theo đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia), số 9 Trần Vĩ, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 15/8/2020 (kèm theo file điện tử về địa chỉ: tlltp@moj.gov.vn).

(Xin gửi kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-BTP ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp; mẫu Báo cáo tổng kết và các phụ lục kèm theo. Các tài liệu nêu trên và Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (để các bộ, ngành, địa phương tham khảo) được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp: www.moj.gov.vn, mục: Chỉ đạo điều hành).

Mọi chi tiết xin liên hệ: đồng chí Nguyễn Hồng Linh, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia (số điện thoại: 024.62739500).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTLTPQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Khánh Ngọc

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Sau khi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và một số Bộ, ngành, địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ Thi đua – Khen thưởng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg thường trực Trương Hòa Bình (để báo cáo);
- Tòa án nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Văn phòng Quốc hội (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp, Cục THADS các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TTLTPQG.

BỘ TRƯỞNG


Lê Thành Long

**KẾ HOẠCH****Tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-BTP ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17/6/2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010. Luật Lý lịch tư pháp (LLTP) được ban hành đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, đầy đủ để xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP từng bước vững chắc; đáp ứng yêu cầu thực tiễn trước mắt và lâu dài; gắn việc quản lý cơ sở dữ liệu LLTP với cấp Phiếu LLTP; bước đầu góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Sau 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, một số quy định của Luật LLTP đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn. Hiến pháp năm 2013 và một số văn bản luật mới được ban hành như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 với nhiều chế định mới, trong đó có những quy định liên quan trực tiếp đến pháp luật về LLTP. Vì vậy, cần phải tiến hành tổng kết, đánh giá toàn diện 10 năm thi hành Luật này để kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Để đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập, chỉ rõ nguyên nhân, tìm ra các giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác LLTP, đặc biệt có cơ sở thực tiễn nhằm phục vụ nghiên cứu, sửa đổi Luật LLTP cũng như đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp giữa Luật LLTP với Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật mới được ban hành, Bộ Tư pháp xây dựng Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP, gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Tổng kết, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được trong 10 năm thi hành Luật LLTP.

b) Đánh giá sự phù hợp của Luật LLTP với Hiến pháp năm 2013, sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật LLTP với Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành án hình sự năm 2019, các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam gia nhập hoặc là thành viên và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

c) Làm rõ những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong việc thực hiện Luật LLTP; tìm ra nguyên nhân, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác LLTP; trên cơ sở đó báo cáo Chính phủ về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật LLTP.

d) Tuyên dương, khen thưởng, khích lệ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác LLTP.

2. Yêu cầu

a) Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan, toàn diện trên phạm vi toàn quốc cũng như trong phạm vi từng Bộ, ngành có liên quan và các địa phương; bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu đặt ra và triển khai đúng tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm.

b) Nội dung tổng kết phải bám sát những quy định của Luật LLTP và những yêu cầu đặt ra trong việc triển khai thi hành Luật LLTP; phản ánh đúng tình hình thực tế, phân tích, đánh giá, kèm theo số liệu chứng minh cụ thể.

c) Phân công nhiệm vụ hợp lý, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo có sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các nội dung tổng kết, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

- Thời gian tổng kết: Từ ngày 01/7/2010 (thời điểm Luật LLTP có hiệu lực) đến ngày 30/6/2020 (thời điểm báo cáo 06 tháng năm 2020).

- Thực hiện tổng kết, đánh giá toàn diện công tác triển khai thi hành Luật LLTP trên phạm vi toàn quốc.

2. Nội dung tổng kết

2.1. Kết quả thi hành Luật LLTP:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về LLTP: Việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật, văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật; Tình hình quán triệt, phổ biến việc tổ chức triển khai Luật; Tình hình kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác LLTP, đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động quản lý LLTP; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ LLTP; Công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành về LLTP; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác LLTP...

- Kết quả công tác xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP: Công tác phối hợp cung cấp thông tin để xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP; Tình hình tiếp nhận,

xử lý, cập nhật, cung cấp, lưu trữ, khai thác và sử dụng thông tin LLTP tại Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp.

- Kết quả công tác cấp Phiếu LLTP: Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP; Các giải pháp được áp dụng nhằm cải cách thủ tục hành chính; Công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP.

2.2. Đánh giá chung về kết quả đạt được; Những hạn chế, bất cập (về thể chế, hạn chế bất cập trong tổ chức thi hành Luật, hạn chế bất cập trong xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu LLTP) và nguyên nhân hạn chế, bất cập.

2.3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp để hoàn thiện thể chế, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về LLTP và các giải pháp khác (nếu có).

2.4. Xem xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật LLTP.

3. Hình thức tổng kết

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết;
- Tổ chức Hội nghị tổng kết thi hành Luật LLTP;
- Tổ chức khảo sát tình hình thi hành pháp luật về LLTP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì, phối hợp tổ chức hoạt động tổng kết toàn quốc về thi hành Luật LLTP, cụ thể:

- Xây dựng mẫu báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP; các biểu mẫu thống kê về các nội dung tổng kết, đánh giá để bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện cũng như bảo đảm được đúng mục đích, yêu cầu của việc tổng kết thi hành Luật LLTP. Thời gian hoàn thành: tháng 6/2020;

- Hướng dẫn, đôn đốc hoạt động tổng kết thi hành Luật LLTP ở các Bộ, ngành và địa phương. Thời gian thực hiện: thường xuyên, trong thời gian tổng kết.

- Thực hiện khảo sát tình hình thi hành pháp luật về Luật LLTP tại một số địa phương (*dự kiến khảo sát tại các tỉnh Thái Bình, Nghệ An, Khánh Hòa, thời gian theo Kế hoạch hoạt động của Dự án Eu Jule năm 2020*). Thời gian hoàn thành: tháng 7-9/2020.

- Xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật LLTP (trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực LLTP; tổng hợp kết quả của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kết quả Hội nghị tổng kết toàn quốc). Thời gian hoàn thành: tháng 11/2020.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết toàn quốc 10 năm thi hành Luật LLTP (có Kế hoạch riêng, dự kiến tháng 10/2020).

- Xem xét, quyết định khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan và địa phương có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật LLTP theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. Thời gian hoàn thành: tháng 10/2020.

Trung tâm LLTP quốc gia có nhiệm vụ chủ trì giúp Lãnh đạo Bộ Tư pháp thực hiện các nội dung nêu trên.

Cục Công nghệ thông tin có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo tình hình xây dựng, triển khai sử dụng Phần mềm quản lý LLTP; Phần mềm Đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến và những hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực LLTP (nếu có); tập trung đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực LLTP, gửi cho Trung tâm LLTP quốc gia trước ngày 15/8/2020 để xây dựng Báo cáo tổng kết của Bộ Tư pháp.

Tổng cục Thi hành án dân sự có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo tổng kết tình hình 10 năm thi hành Luật LLTP trong các cơ quan Thi hành án dân sự, gửi cho Trung tâm LLTP quốc gia trước ngày 15/8/2020 để xây dựng Báo cáo tổng kết của Bộ Tư pháp.

Văn phòng Bộ, Vụ Thi đua – Khen thưởng có nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm LLTP quốc gia thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

2. Đối với các Bộ, ngành

- Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tiến hành tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP trong phạm vi ngành, lĩnh vực Bộ, ngành quản lý, tùy tình hình thực tế có thể tổ chức Hội nghị tổng kết hoặc tổng kết bằng hình thức báo cáo.

- Xem xét, quyết định khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật LLTP trong phạm vi thẩm quyền của Bộ, ngành; lựa chọn, giới thiệu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi hành Luật LLTP.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tiến hành tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP trên địa bàn với hình thức phù hợp; hướng dẫn các Sở, ngành có liên quan tổng kết thi hành Luật LLTP; xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP gửi về Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP tại địa phương.

- Xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật LLTP tại địa phương; lựa chọn, giới thiệu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thi hành Luật LLTP.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc khen thưởng này.

4. Về việc lấy số liệu và thời hạn gửi Báo cáo tổng kết, hồ sơ khen thưởng

4.1. Số liệu phục vụ tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP tính từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/6/2020.

4.2. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chủ động thực hiện tổng kết, xây dựng báo cáo và gửi Báo cáo bằng văn bản và hồ sơ khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thi hành Luật LLTP đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng về Bộ Tư pháp (Trung tâm LLTP quốc gia) trước ngày **15/8/2020** (gửi kèm theo file điện tử về địa chỉ: ttltp@moj.gov.vn).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bảo đảm từ ngân sách của Bộ, ngành, địa phương.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện tổng kết 10 năm thi hành Luật LLTP đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Trung tâm LLTP quốc gia. Riêng hoạt động khảo sát tình hình thi hành Luật LLTP lấy từ nguồn kinh phí Dự án Eu Jule cấp cho Trung tâm LLTP quốc gia năm 2020. *ml*

BỘ TƯ PHÁP

(Mẫu Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Cơ quan xây dựng Báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO TỔNG KẾT

10 NĂM THI HÀNH LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP

I. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp

1.1. Việc ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật lý lịch tư pháp

- Về việc ban hành Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy để triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Văn bản phối hợp liên ngành của Sở Tư pháp với các cơ quan có liên quan để triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. *(Chi tiết thể hiện theo Phụ lục 1)*

1.2. Tình hình quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp

Công tác tập huấn, phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành: các hình thức, phương thức thực hiện tập huấn, phổ biến, tuyên truyền và quán triệt Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.3. Về tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác lý lịch tư pháp

- Nêu rõ tình hình tổ chức bộ máy phục vụ công tác lý lịch tư pháp hiện nay.

- Tình hình bố trí nguồn nhân lực (biên chế chuyên trách, biên chế kiêm nhiệm, thuê lao động hợp đồng và nguồn kinh phí thuê hợp đồng (nếu có); tình hình luân chuyển, điều động; tình hình sử dụng nguồn nhân lực đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về lý lịch tư pháp *(Chi tiết theo Phụ lục 2)*.

- Chất lượng (năng lực, trình độ) của cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp hiện nay.

1.4. Việc đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp

- Tình hình trang bị và số lượng máy móc, thiết bị, chỗ làm việc, văn phòng phẩm, bìa hồ sơ lưu trữ và các trang thiết bị khác; tình hình trang bị kho lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp (*Chi tiết theo Phụ lục 2*)

- Tình hình bố trí kinh phí cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp.

1.5. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lý lịch tư pháp

- Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Tư pháp trước khi có Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tình hình sử dụng Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Những giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin khác tại địa phương vào công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

1.6 Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác lý lịch tư pháp

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

2.1. Về việc phối hợp cung cấp thông tin để xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

- Tình hình phối hợp cung cấp thông tin của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cơ quan Công an cấp huyện, cơ quan có liên quan trong quân đội, Cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan đăng ký hộ tịch và các cơ quan, tổ chức khác (nếu có) cho Sở Tư pháp tại địa phương (*Chi tiết theo Phụ lục 3*).

- Tình hình phối hợp cung cấp thông tin về pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 của các cơ quan có liên quan (nếu có).

- Tình hình phối hợp thực hiện rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2.2. Tình hình tiếp nhận, xử lý, cập nhật, cung cấp, lưu trữ thông tin lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp

a) Quy trình xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp.

b) Tình hình tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, vào sổ tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp (nêu rõ số lượng thông tin đã vào sổ tiếp nhận giấy, số lượng thông tin đã vào sổ tiếp nhận điện tử).

- Tình hình lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử.

- Tình hình cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền lập lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp khác.

- Tình hình cung cấp Lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử từ ngày 01/5/2015 đến 30/6/2020 cho Trung tâm (trong đó nêu rõ số lượng bản lý lịch tư pháp, thông tin lý lịch tư pháp bổ sung đã cung cấp cho Trung tâm).(Chi tiết theo Phụ lục 4).

- Tình hình tiếp nhận, xử lý thông tin trước và sau khi có Chỉ thị số 02/ CT-BTP ngày 09/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

c) Về việc đề nghị cung cấp thông tin có trước ngày 01/7/2010 để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

d) Tình hình lưu trữ, bảo vệ hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy.

đ) Tình hình khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương.

đ) Công tác đồng bộ dữ liệu lý lịch tư pháp.

3. Công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức

a) Quy trình, phương thức tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

b) Số lượng hồ sơ, mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1; Số lượng hồ sơ, mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2.

c) Việc tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp: việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin tại cơ quan Công an, Tòa án và các cơ quan khác có liên quan và tra cứu tại Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

d) Kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp: số lượng đúng hạn, trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn; số người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 có án tích (trong đó nêu rõ số người đã được xóa án tích của từng loại Phiếu).

đ) Tình hình áp dụng Quy chế phối hợp số 01/QCPH-TTLLTPQG-C53; Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53.

e) Việc triển khai thực hiện Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ tính đến 30/6/2020 (nếu thực hiện).

g) Các giải pháp khác được áp dụng nhằm cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động cấp Phiếu lý lịch tư pháp. *(Chi tiết theo Phụ lục 5A, 5B).*

4. Việc xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích trong lĩnh vực lý lịch tư pháp

a) Tình hình xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích trước khi BLHS 2015 có hiệu lực: công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin; thời gian phối hợp xác minh trong thực tế; số trường hợp xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, trong đó nêu rõ số trường hợp đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

b) Tình hình xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích sau khi Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực: công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin trong đó nêu rõ tình hình xác minh hành vi phạm tội mới; thời gian phối hợp xác minh trong thực tế; số trường hợp xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, trong đó nêu rõ số trường hợp đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích; tình hình cập nhật thông tin về đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự 2015.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG, HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung

1.1. Đánh giá mức độ quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương, lãnh đạo cơ quan, đơn vị đối với công tác lý lịch tư pháp; đánh giá về hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại địa phương; tính thống nhất, đồng bộ và tính khả thi của các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thi hành Luật. Tác động của công tác tuyên truyền đến nhận thức của xã hội, người dân, cơ quan, tổ chức về vị trí, vai trò của lý lịch tư pháp; mức độ tuân thủ các quy định Luật Lý lịch tư pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo mô hình cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp 02 cấp hiện nay: đã đáp ứng yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp; về tính kịp thời, đầy đủ của cập nhật, xử lý thông tin; về chất lượng của cơ sở dữ liệu; tình hình giải quyết thông tin còn tồn đọng.

1.3. Đánh giá về kết quả thực hiện công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp: hiệu quả của công tác này trong việc đáp ứng yêu cầu của người dân, cơ quan, tổ chức; hiệu quả của thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính trong công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp; hiệu quả của công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp; vai trò, ý nghĩa của Phiếu lý lịch tư pháp đối với đời sống kinh tế - xã hội tại địa phương.

1.4. Đánh giá về mức độ, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lý lịch tư pháp.

1.5. Đánh giá về kết quả khác (nếu có).

2. Những hạn chế, bất cập

2.1. Những hạn chế, bất cập về mặt thể chế trong lĩnh vực lý lịch tư pháp hiện nay: về Luật lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành; về tính đồng bộ giữa Luật Lý lịch tư pháp với các văn bản có liên quan, với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc đang là thành viên có liên quan.

2.3. Những hạn chế, bất cập trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp (Những hạn chế, bất cập trong kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế và đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất....)

2.4. Những hạn chế, bất cập trong xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; hạn chế bất cập về mô hình cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp 02 cấp đối với hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu hiện nay.

2.5. Những hạn chế, bất cập trong công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp: về thành phần hồ sơ; phân cấp thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp; về đối tượng cấp Phiếu (người không quốc tịch, người); tình hình cấp và sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân).

2.6. Những hạn chế, bất cập khác (nếu có).

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan: về chỉ đạo, điều hành; mức độ quan tâm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị; nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác lý lịch tư pháp...

3.2. Nguyên nhân khách quan: về tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác lý lịch tư pháp; về đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp hoàn thiện thể chế

Kiến nghị, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Lý lịch tư pháp; những vấn đề mới phát sinh cần được bổ sung trong Luật Lý lịch tư pháp.

2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp

Về tổ chức bộ máy, biên chế, trang thiết bị, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ chế phối hợp liên ngành....

3. Những kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

(Tình hình và kết quả thực hiện Luật Lý lịch tư pháp được tính từ ngày 01/7/2010 đến hết ngày 30/6/2020).

PHỤ LỤC 1
TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THI HÀNH
LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	VĂN BẢN TRIỂN KHAI THI HÀNH ¹	QUY CHẾ PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH	GHI CHÚ ²
1			
2			
3			
4			
...	...		

¹ Bao gồm Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị; Công văn chỉ đạo, hướng dẫn... của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ghi rõ Tên văn bản, số ký hiệu văn bản, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản, trích yếu nội dung văn bản).

² Đối với giai đoạn 01/7/2010 đến 31/12/2016, trường hợp “Tình hình ban hành văn bản triển khai thi hành Luật” giống như thông tin đã có trong Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp Tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp) thì chỉ cần ghi chú rõ: giống như thông tin trong Báo cáo số 173/BC-BTP); chỉ cần báo cáo cụ thể giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020. Trường hợp bổ sung hoặc thay đổi so với nội dung có trong Báo cáo 173/BC-BTP, đề nghị báo cáo lại và báo cáo tiếp giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020.

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO

PHỤ LỤC 2

TÌNH HÌNH BỐ TRÍ NHÂN LỰC VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	NĂM	TÌNH HÌNH NHÂN LỰC										Trang bị kho lưu trữ Hồ sơ LLTP bằng văn bản giấy	
		TỔNG SỐ	Chuyên trách			Kiểm nhiệm		Số lượng cán bộ đã qua đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nghiệp vụ về LLTP	LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG			Đã có kho riêng	Chưa có kho riêng
			Phân bổ theo QĐ 2369/QĐ-TTg	Tự điều chuyển		Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp		Sở Tư pháp tự bố trí	Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí			
				Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp								
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1	01/7-31/12/2010												
2	01/01-31/12/2011												
3	01/01-31/12/2012												
4	01/01-31/12/2013												
5	01/01-31/12/2014												
6	01/01-31/12/2015												
7	01/01-31/12/2016												
8	01/01-31/12/2017												
9	01/01-31/12/2018												
10	01/01-31/12/2019												
11	01/01-30/6/2020												

Ghi chú:

+ Cột (1) = (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (8) + (9) : Tổng số biên chế và lao động hợp đồng làm công tác Lý lịch tư pháp trong năm;

+ Cột (2): Chỉ bao gồm các biên chế chuyên trách;

+ Cột (8) và (9): Bao gồm những người ký hợp đồng xác định thời hạn, hợp đồng thời vụ hỗ trợ công tác Lý lịch tư pháp.

+ Cột (10) và (11): Sở Tư pháp tích dấu (x) vào ô tương ứng.

+ Cột (2), (3), (4), (5), (6), (8) và (9): Đối với giai đoạn 01/7/2010 đến 31/12/2016, trường hợp “Tình hình bố trí nguồn nhân lực và cơ sở vật chất tại Sở Tư pháp” giống như thông tin đã có trong Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp Tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp) thì chỉ cần ghi chú rõ: giống như thông tin trong Báo cáo số 173/BC-BTP; chỉ cần báo cáo từ 01/01/2017 đến 30/6/2020. Trường hợp bổ sung hoặc thay đổi so với nội dung có trong Báo cáo 173/BC-BTP, đề nghị báo cáo lại và báo cáo tiếp giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020.

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TỰ PHÁP VÀ THÔNG TIN LLTP SỞ TƯ PHÁP NHẬN ĐƯỢC

TỪ NGÀY 01/7/2010 ĐẾN NGÀY 30/6/2020

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	NĂM	TỔNG SỐ	THÔNG TIN LLTP NHẬN ĐƯỢC CHIA THEO CƠ QUAN CUNG CẤP *										Thông tin chứng từ, cải chính hộ tịch
			Tòa án nhân dân			VKSND cấp cao (trước đây do VKSND cấp tỉnh cung cấp)	Công an cấp huyện	Tòa án Quân sự TW	Cơ quan THADS	Trung tâm LLTPQG	Các cơ quan, tổ chức khác		
			Bản án, trích lục bản án hình sự	Quyết định, Giấy chứng nhận liên quan đến THAHS	Quyết định tuyên bố phá sản								
												Có hiệu lực trước ngày 01/7/2010	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	01/7-31/12/2010												
2	01/01-31/12/2011												
3	01/01-31/12/2012												
4	01/01-31/12/2013												
5	01/01-31/12/2014												
6	01/01-31/12/2015												
7	01/01-31/12/2016												
8	01/01-31/12/2017												
9	01/01-31/12/2018												
10	01/01-31/12/2019												
11	01/01-30/6/2020												
	TỔNG CỘNG												

Ghi chú:

- + (*) : Bao gồm cả những thông tin do các Sở Tư pháp khác cung cấp. Phần này tính theo số lượng văn bản, không tính theo đầu thông tin, ví dụ: một bản án có 10 bị cáo thì không tính là 10 thông tin mà chỉ tính theo đầu bản án là 01 thông tin;
- + Cột (1) = (2) + (7) + (8) + (9) + (10) + (11) + (12) + (13); Tổng số lượng thông tin nhận được trong năm;
- + Cột (2) = (3) + (4) + (5) + (6);
- + Cột (7): Thông tin Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm do VKSND cấp tỉnh cung cấp, tuy nhiên hiện nay do VKS cấp cao cung cấp theo quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014.
- + Cột (8): Bao gồm các GCN liên quan đến chấp hành hình phạt ngoài tù do cơ quan Công an cấp huyện cung cấp cho STP từ ngày 01/7/2011 (Ngày Luật Thi hành án Hình sự có hiệu lực);
- + Cột (11): Bao gồm các Quyết định, Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù, Giấy chứng nhận đặc xá... Giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện do Trung tâm LLTPQG cung cấp cho STP
- + Cột (12): Bao gồm các GCN liên quan đến chấp hành hình phạt ngoài tù do Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức được giao thi hành các loại án này cung cấp cho Sở Tư pháp trước ngày 01/7/2011 (Ngày Luật Thi hành án Hình sự có hiệu lực).

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO

PHỤ LỤC 4

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI SỞ TƯ PHÁP
TỪ NGÀY 01/7/2010 ĐẾN NGÀY 30/6/2020**

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	NĂM	SỐ LƯỢNG THÔNG TIN TIẾP NHẬN, KIỂM TRA, PHÂN LOẠI(*)			CHƯA VÀO SỐ	LẬP LÝ LỊCH TƯ PHÁP, CẤP NHẬT, THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP BỔ SUNG(*)		BẢN LLTP ĐÃ LẬP	SỐ LƯỢNG HỒ SƠ GIẤY ĐÃ LẬP	GHI CHÚ	
		TỔNG SỐ	ĐÃ VÀO SỐ			Thông tin chưa lập LLTP, cập nhật TTLLTPBS					
			TỔNG	Thông tin thuộc thẩm quyền			Cung cấp cho STP khác, Trung tâm				
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	01/7-31/12/2010										
2	01/01-31/12/2011										
3	01/01-31/12/2012										
4	01/01-31/12/2013										
5	01/01-31/12/2014										
6	01/01-31/12/2015										
7	01/01-31/12/2016										
8	01/01-31/12/2017										
9	01/01-31/12/2018										
10	01/01-31/12/2019										
11	01/01-30/6/2020										
	TỔNG CỘNG										

Ghi chú:

* Số lượng được tính theo đầu thông tin, ví dụ: một bản án có 10 bị cáo thì tính số lượng là 10 thông tin;

* Cột (1): Bao gồm cả số lượng đã tiếp nhận trên Phần mềm điện tử và vào sổ giấy (nếu có) và = (3) + (4) + (5) ;

* Cột (2): = (3) + (4);

* Cột (3): = (6) + (7);

* Cột (10): Đề nghị ghi rõ số lượng thông tin trùng.

+ Từ cột (2) đến cột (9): Đối với giai đoạn 01/7/2010 đến 31/12/2016, trường hợp “Tiếp nhận và xử lý thông tin lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp” giống như thông tin đã có trong Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp Tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp) thì chỉ cần ghi chú rõ: giống như thông tin trong Báo cáo số 173/BC-BTP; chỉ cần báo cáo cụ thể giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020. Trường hợp bổ sung hoặc thay đổi so với nội dung có trong Báo cáo 173/BC-BTP, đề nghị báo cáo lại và báo cáo tiếp giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020.

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO

PHỤ LỤC 5A

TÌNH HÌNH CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 TẠI SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	NĂM	TỔNG SỐ	HỒ SƠ ĐÃ TRẢ KẾT QUẢ		HỒ SƠ CHƯA TRẢ KẾT QUẢ*		NGUYÊN NHÂN TRẢ KẾT QUẢ TRỄ HẠN (Ghi rõ số lượng hồ sơ)				CẤP PHIẾU THEO ĐỀ ÁN QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/QĐ-TTg NGÀY 08/01/2015					THANH TOÁN LỆ PHÍ CẤP PHIẾU TRỰC TUYÊN		Ghi chú	
			Đúng hạn	Quá hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Do cơ quan Công an chậm trả lời tra cứu, xác minh	Do phải tra cứu, xác minh thêm ở cơ quan khác	Lý do khác	ĐĂNG KÝ CẤP PHIẾU QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH	ĐĂNG KÝ CẤP PHIẾU TRỰC TUYÊN	Đăng ký cấp Phiếu trực tuyến, gửi hồ sơ và nhận Phiếu qua bưu chính	Đã triển khai	Chưa triển khai					
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	01/7-31/12/2010																		
2	01/01-31/12/2011																		
3	01/01-31/12/2012																		
4	01/01-31/12/2013																		
5	01/01-31/12/2014																		
6	01/01-31/12/2015																		
7	01/01-31/12/2016																		
8	01/01-31/12/2017																		
9	01/01-31/12/2018																		
10	01/01-31/12/2019																		
11	01/01-30/6/2020																		
	TỔNG CỘNG																		

KHÔNG BÁO CÁO

Ghi chú:

- + Số lượng hồ sơ đã cấp Phiếu của năm 2010 chỉ bao gồm hồ sơ thụ lý mới từ ngày 01/7/2010;
- + Cột (1) = (2) + (3) + (4) + (5);
- + Cột (10): Gửi hồ sơ yêu cầu và nhận kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (11): Nộp hồ sơ trực tiếp và nhận kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (12): Gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu qua dịch vụ bưu chính và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp;
- + Cột (13): Đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (14): Gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp hoặc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;
- + Cột (16), (17): Số Tư pháp tích dấu (x) vào ô tương ứng;
- + (*): Chỉ bao gồm hồ sơ chưa trả kết quả tính đến ngày 30/6/2020.
- + Cột (18): ghi rõ thời điểm áp dụng Quy chế phối hợp số 01/QC-PH-TTLT-TPOG-C53; Quy chế phối hợp số 02/QC-PH-TTLT-TPOG-C53
- + Cột (2), (3), (6), (7), (8), (9): Đối với giai đoạn 01/7/2010 đến 31/12/2016, tương hợp "Tình hình cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 tại Sở Tư pháp" giống như thông tin đã có trong Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp Tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (được đăng tải trên Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp) thì chỉ cần ghi chú rõ: giống như thông tin trong Báo cáo số 173/BC-BTP); chỉ cần báo cáo cụ thể giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020. Trường hợp bổ sung hoặc thay đổi so với nội dung có trong Báo cáo 173/BC-BTP, đề nghị báo cáo lại và báo cáo tiếp giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020.

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ BÁO CÁO

PHỤ LỤC 5B

TÌNH HÌNH CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 TẠI SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Báo cáo số ngày tháng năm của)

STT	NĂM	TỔNG SỐ	HỒ SƠ ĐÃ TRẢ KẾT QUẢ		HỒ SƠ CHƯA TRẢ KẾT QUẢ*		NGUYÊN NHÂN TRẢ KẾT QUẢ TRỄ HẠN (Ghi rõ số lượng hồ sơ)			CẤP PHIẾU THEO ĐỀ ÁN QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/QĐ-TTg NGÀY 08/01/2015						THANH TOÁN LỆ PHÍ CẤP PHIẾU TRỰC TUYẾN		Ghi chú
			Đúng hạn	Quá hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Do STP chậm xử lý hồ sơ	Do cơ quan Công an chậm trả lời tra cứu, xác minh	Do phải tra cứu, xác minh thêm ở cơ quan khác	Lý do khác	ĐĂNG KÝ CẤP PHIẾU QUA DỊCH VỤ BUU CHÍNH		ĐĂNG KÝ CẤP PHIẾU TRỰC TUYẾN		Đã triển khai	Chưa triển khai		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
1	01/7-31/12/2010																	
2	01/01-31/12/2011																	
3	01/01-31/12/2012																	
4	01/01-31/12/2013																	
5	01/01-31/12/2014																	
6	01/01-31/12/2015																	
7	01/01-31/12/2016																	
8	01/01-31/12/2017																	
9	01/01-31/12/2018																	
10	01/01-31/12/2019																	
11	01/01-30/6/2020																	
TỔNG CỘNG																		

Ghi chú:

- + Số lượng hồ sơ đã cấp Phiếu của năm 2010 chỉ bao gồm hồ sơ thụ lý mới từ ngày 01/7/2010;
- + Cột (1) = (2) + (3) + (4) + (5);
- + Cột (10): Gửi hồ sơ yêu cầu và nhận kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (11): Gửi hồ sơ trực tiếp và nhận kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (12): Gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu qua dịch vụ bưu chính và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp;
- + Cột (13): Đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính;
- + Cột (14): Gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp hoặc Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia;
- + Cột (16), (17): Sở Tư pháp tích dấu (X) vào ô tương ứng;
- + (*) : Chỉ bao gồm hồ sơ chưa trả kết quả tính đến ngày 30/6/2020.
- + Cột (18): ghi rõ thời điểm áp dụng Quy chế phối hợp số 01/QCPH-TLTPQG-C53; Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TLTPQG-C53
- + Cột (2), (3), (6), (7), (8), (9): Đối với giai đoạn 01/7/2010 đến 31/12/2016, trường hợp “Tinh hình cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 tại Sở Tư pháp” giống như thông tin đã có trong Báo cáo số 173/BC-BTP ngày 20/6/2017 của Bộ Tư pháp Tổng kết 06 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp (được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp) thì chỉ cần ghi chú rõ: giống như thông tin trong Báo cáo số 173/BC-BTP); chỉ cần báo cáo cụ thể giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020. Trường hợp bổ sung hoặc thay đổi so với nội dung có trong Báo cáo 173/BC-BTP, đề nghị báo cáo lại và báo cáo tiếp giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/6/2020.